



















## LIST OF USED TRACTORS MADE IN JAPAN










Stt No.	Hiệu Make	Mã số Model	WD	Mã lực HP	Xy lanh Cylinder	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price USD (EXW)	Hình ảnh Photo	Ghi chú Note
1	HINOMOTO	C174	4	17	3	1	1,799		
2	ISEKI	TL1900F	4	19	3	1	2,998		
3	ISEKI	TL3200F	4	32	4	1	4,931		
4	ISEKI	TU1400F	4	14	3	1	1,866		
5	ISEKI	TU155F	4	15.5	3	1	2,465		
6	ISEKI	TU185F	4	18.5	3	1	3,865		
7	ISEKI	TU1901	2	19	3	1	3,398		
8	ISEKI	TU205F	4	20	3	1	3,731		

Stt No.	Hiệu Make	Mã số Model	WD	Mã lực HP	Xy lanh Cylinder	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price USD (EXW)	Hình ảnh Photo	Ghi chú Note
9	ISEKI	TU2100F	4	21		1	3,198		
10	ISEKI	TU240	2	24		1	2,199		
11	ISEKI	TX1210F	4	12		1	1,666		
12	ISEKI	TX1300F	4	13		1	1,466		
13	ISEKI	TX1410F		14		1	2,199		
14	ISEKI	TX1510F		15		1	2,332		
15	ISEKI	TX155F	4	15		1	2,332		
16	KUBOTA	B1-14DT	4	14	3	1	2,465		
17	KUBOTA	B1200DT	4	12	3	1	2,066		

Stt No.	Hiệu Make	Mã số Model	WD	Mã lực HP	Xy lanh Cylinder	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price USD (EXW)	Hình ảnh Photo	Ghi chú Note
18	KUBOTA	B1400DT	4	14	3	1	2,599		
19	KUBOTA	B1502DT	4	15	3	1	2,199		
20	KUBOTA	B1600DT	4	16	3	1	2,732		With front loader
21	KUBOTA	B5000DT	4	9	2	1	1,199		
22	KUBOTA	B5001DT	4	9.5	2	1	933		
23	KUBOTA	B52	4			1	3,865		
24	KUBOTA	B6000DT	4	11		1	800		
25	KUBOTA	B6000E	2	11		1	800		

Stt No.	Hiệu Make	Mã số Model	WD	Mã lực HP	Xy lanh Cylinder	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price USD (EXW)	Hình ảnh Photo	Ghi chú Note
26	KUBOTA	B7000DT	4	7		1	1,732		
27	KUBOTA	B7001DT	4	7		1	2,599		
28	KUBOTA	GL29	4	29		1	6,730		
29	KUBOTA	L1-18DT	4	18		1	4,664		
30	KUBOTA	L1-195DT	4	19		1	4,398		
31	KUBOTA	L1-20E	2	20		1	3,598		
32	KUBOTA	L1501DT	4	15		1	2,265		
33	KUBOTA	X-20	4	20		1	4,931		
34	KUBOTA	XB-1	4			1	2,066		

Stt No.	Hiệu Make	Mã số Model	WD	Mã lực HP	Xy lanh Cylinder	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price USD (EXW)	Hình ảnh Photo	Ghi chú Note
35	mitsubishi	D1300	2	13		1	733		
36	mitsubishi	D1300FD	4	13		1	999		
37	mitsubishi	MT1601D	4	16		1	1,932		
38	mitsubishi	MT1801D	4	18		1	3,065		
39	mitsubishi	MT18D	4	18		1	2,532		
40	mitsubishi	MT210D	4			1	4,264		
41	mitsubishi	MTE1800D	4	18		1	2,465		
42	SHIBAURA	P17F	4	17		1	2,465		

Stt No.	Hiệu Make	Mã số Model	WD	Mã lực HP	Xy lanh Cylinder	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price USD (EXW)	Hình ảnh Photo	Ghi chú Note
43	YANMAR	F13D	4	13		1	2,599		
44	YANMAR	F155D	4	15		1	2,599		
45	YANMAR	F15D	4	15		1	1,333		
46	YANMAR	YM1100	2	11	2	1	733		
47	YANMAR	YM1100D	4	11		1	1,066		
48	YANMAR	YM1300	2	13		1	666		
49	YANMAR	YM1401	2	14		1	1,399		
50	YANMAR	YM1401D	4	14		1	1,599		
51	YANMAR	YM1500D	4	15		1	933		

Stt No.	Hiệu Make	Mã số Model	WD	Mã lực HP	Xy lanh Cylinder	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price USD (EXW)	Hình ảnh Photo	Ghi chú Note
52	YANMAR	YM1510	2	15		1	1,666		
53	YANMAR	YM1510D	4	15		1	2,066		
54	YANMAR	YM1601	2	16	3	1	1,666		With front loader
55	YANMAR	YM1610	2	16	3	1	933		
56	YANMAR	YM1610D	4	16		1	1,666		
57	YANMAR	YM2010	2	20		1	2,066		
58	YANMAR	YM2610D	4	26		1	3,865		